TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/DS-ST
Ngày: 13/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;
2. Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 181/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1966, (có mặt);
Địa chỉ: Ấp 2, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn A, sinh năm 1970, (vắng mặt);
Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973, (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 21/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L trình bày:***

Vào ngày 10/7/2021 (30/5/2021 âm lịch), vợ chồng ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P có vay của bà số tiền 120.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Khi vay tiền ông A, bà P có làm biên nhận cho bà, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng; Thời hạn vay đối với số tiền 100.000.000 đồng là 06 tháng từ ngày 10/7/2021 (30/5/2021 âm lịch) đến ngày 10/01/2022 (30/11/2021 âm lịch). Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 10/7/2021 (30/5/2021 âm lịch) đến ngày 10/9/2021 (30/7/2021 âm lịch).

Ngoài ra, vào ngày 17/7/2021, ông A, bà P có mượn của bà 02 chỉ vàng 24 Kr để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do lúc cho mượn vàng ông A, bà P hứa trong vòng 10 ngày sẽ trả lại cho bà nên bà không có yêu cầu ông A, bà P làm biên nhận mượn vàng.

Sau khi mượn tiền, ông A, bà P không trả tiền lãi cho bà như thỏa thuận. Đến thời hạn trả tiền, trả vàng nhưng ông A, bà P cũng không trả. Mặc dù, bà yêu cầu ông A, bà P trả tiền, trả vàng nhiều lần nhưng ông A, bà P hứa hẹn lần này đến lần khác cho đến nay vẫn không thực hiện. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số vàng 02 chỉ vàng 24 Kara. Nay bà L chỉ yêu cầu ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 01 %/tháng tính từ ngày 10/7/2021 đến khi Tòa án xét xử vụ án, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện đối với số vàng là 02 chỉ vàng 24 Kara. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L về việc yêu cầu ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P trả 02 chỉ vàng 24 Kara.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P trả số tiền vốn và tiền lãi, ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P có địa chỉ tại ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa bà L với ông A, bà P có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp "Biên nhận ngày 10/7/2021" do ông A viết, bà P và ông A ký tên mượn tiền, hai bên thỏa thuận thời gian ông A, bà P trả số tiền 100.000.000 đồng là ngày 10/01/2022 (30/11/2021 âm lịch) và số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 10/9/2021 (30/7/2021 âm lịch). Như vậy, thực tế giao dịch cho mượn tiền giữa bà L với ông A, bà P đã phát sinh nhưng đến nay ông A, bà P vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn A, bà Nguyễn Thị P trả lại tiền là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

3.3. Về tiền lãi: Nguyên đơn bà L yêu cầu ông A, bà P phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 01 %/tháng tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày xét xử hôm nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vay tiền giữa bà L với ông A, bà P có thỏa thuận trả tiền lãi theo mức lãi suất là 4%/tháng nhưng ông A, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn cũng như không trả tiền lãi cho bà L nên bà L yêu cầu tính tiền lãi là phù hợp pháp luật. Xét mức lãi suất mà bà L yêu cầu là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc ông A, bà P phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền lãi như sau: 120.000.000 đồng x 01 %/tháng x 12 tháng 03 ngày = 14.520.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn A, bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Phạm Văn A, bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 134.520.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L về việc yêu cầu ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P trả 02 chỉ vàng 24 Kara.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L.

Buộc ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Lê Thị Thùy L số tiền 134.520.000 đồng (Trong đó, tiền vốn là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 14.520.000 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị P phải chịu 6.726.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Thùy L số tiền 3.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016030 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh